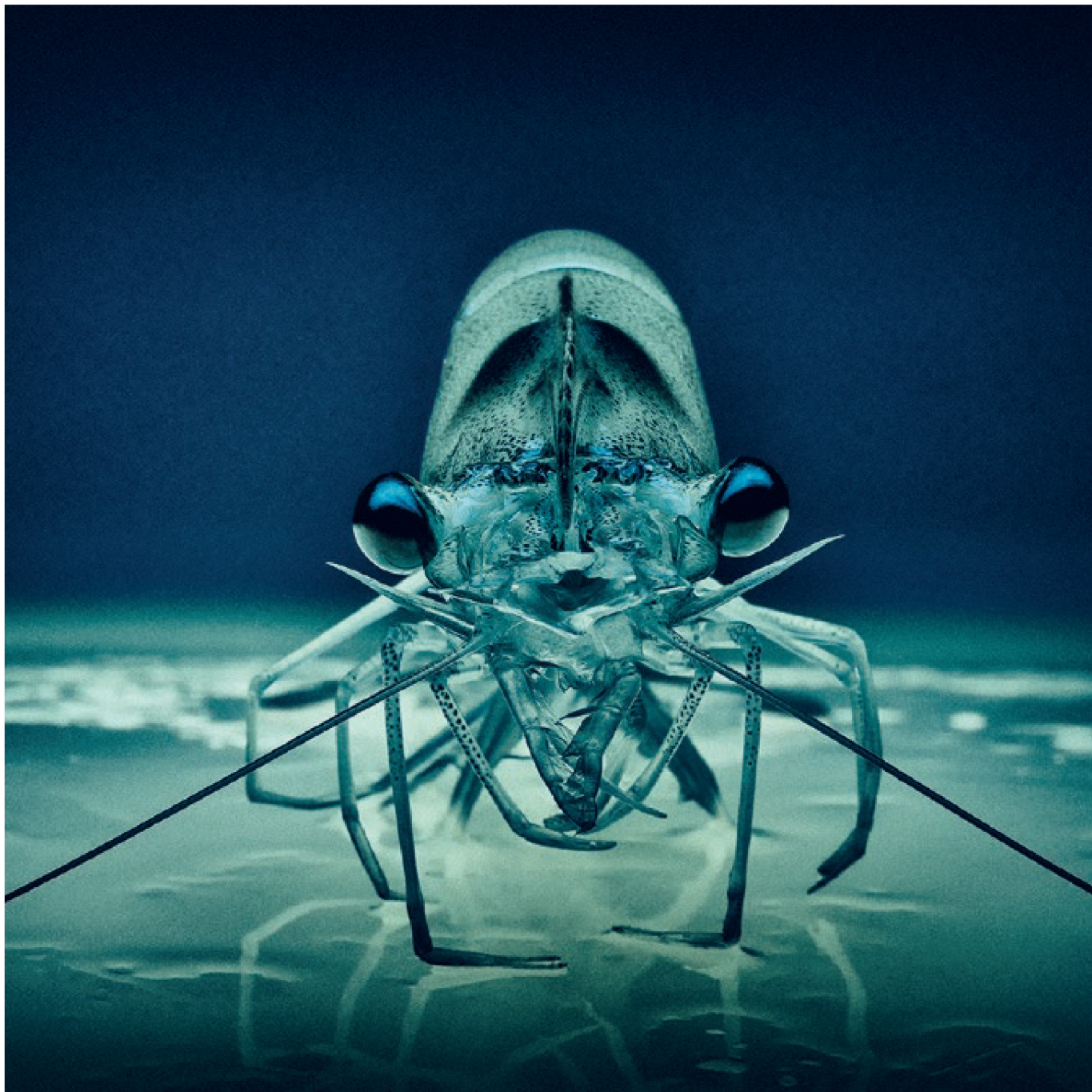
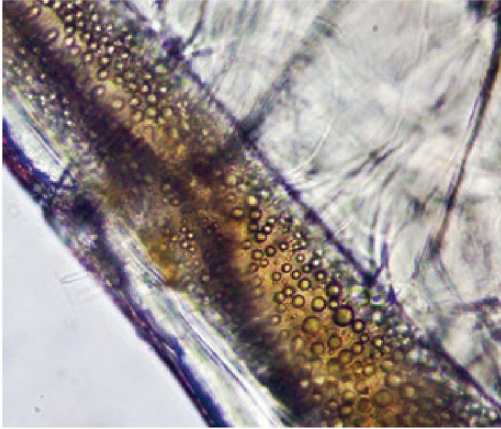


Jade

DINH DƯỠNG CHO KHỞI ĐẦU VỮNG CHẮC







Giàu dinh dưỡng

Thức ăn Jade rất dễ tiêu hóa và có mùi vị đặc biệt hấp dẫn đối với tôm giai đoạn vèo. Sản phẩm chứa các thành phần đậm thủy phân và nguyên liệu từ sinh vật biển chất lượng cao như bột krill, kích thích tôm bắt mồi hiệu quả.

Jade có hàm lượng đạm, acid béo không bão hòa (HUFA), phospholipid cao vượt trội, đặc biệt phù hợp với tôm giai đoạn vèo trong các mô hình nuôi mật độ cao.



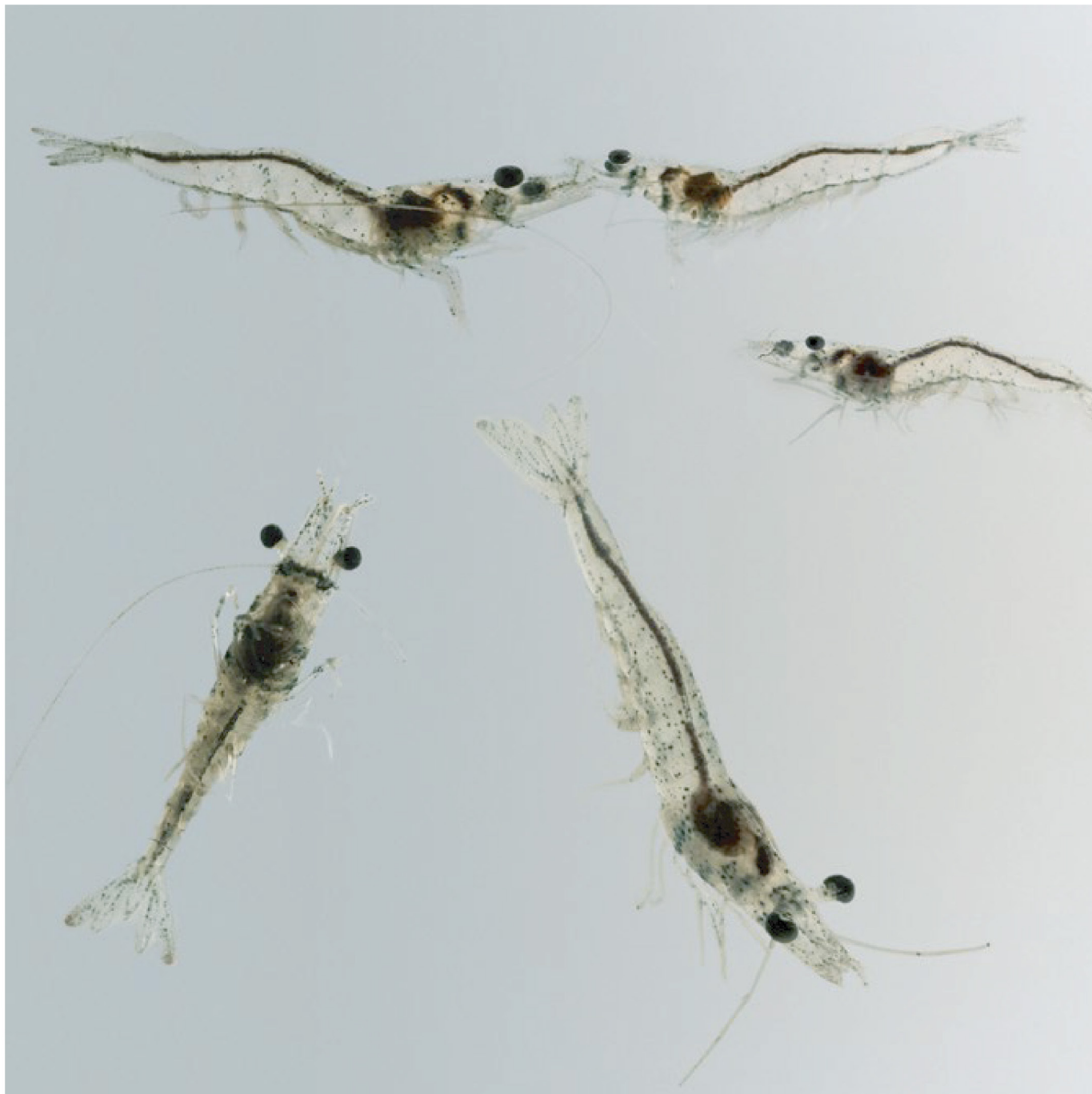
Tăng đề kháng và sức khỏe đường ruột

Thức ăn Jade được bổ sung hàm lượng cao vitamin và các hợp chất kích thích miễn dịch, giúp tôm dễ dàng chống lại các tác nhân gây bệnh và điều kiện bất lợi từ môi trường.



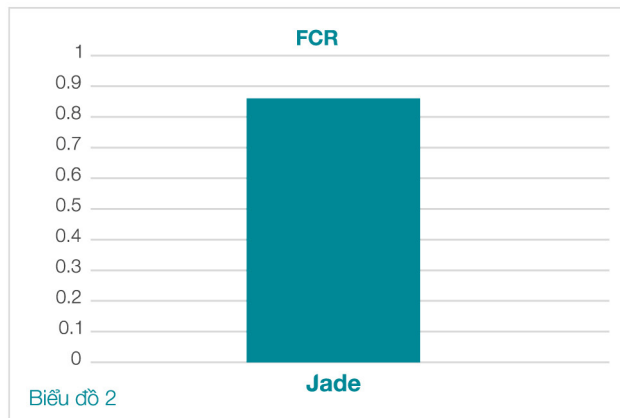
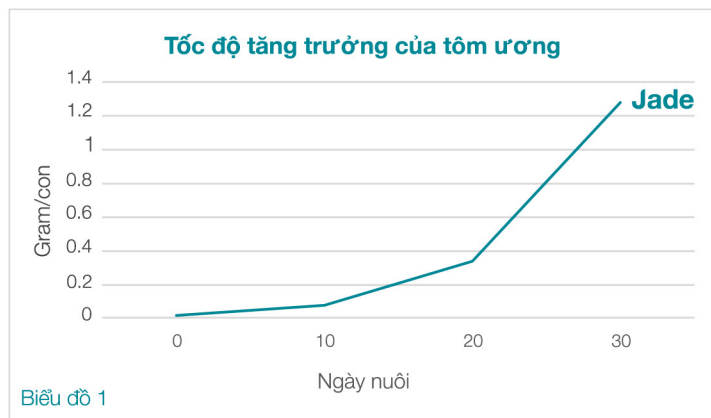
Giữ môi trường ao nuôi ổn định

Kết cấu độc đáo của hạt thức ăn giúp duy trì chất lượng môi trường và giảm thiểu thất thoát chất dinh dưỡng. Jade có 3 kích thước phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm giai đoạn vèo.

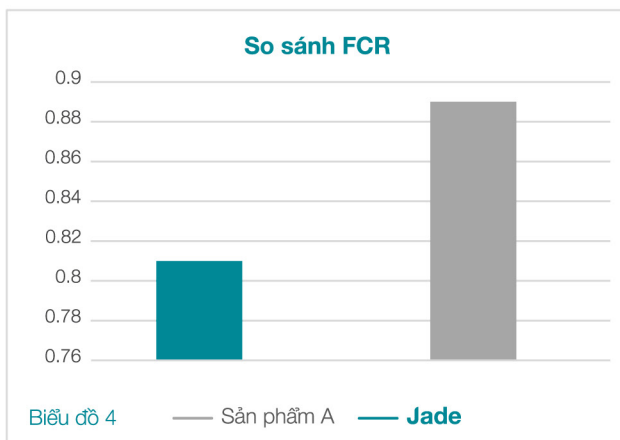
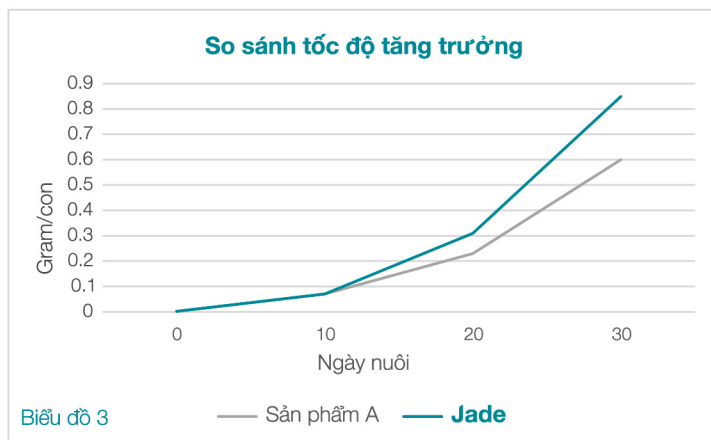


Biểu đồ 1 & 2: Thí nghiệm thể hiện hiệu quả của Jade đối với FCR và tốc độ tăng trưởng của tôm giai đoạn ương vào với mật độ 2 PL/L

Với thành phần nguyên liệu dễ hấp thu và hàm lượng cao probiotic, Jade giúp tôm chuyển hóa dinh dưỡng triệt để, khỏe mạnh và phát triển tốt xuyên suốt giai đoạn ương vào.

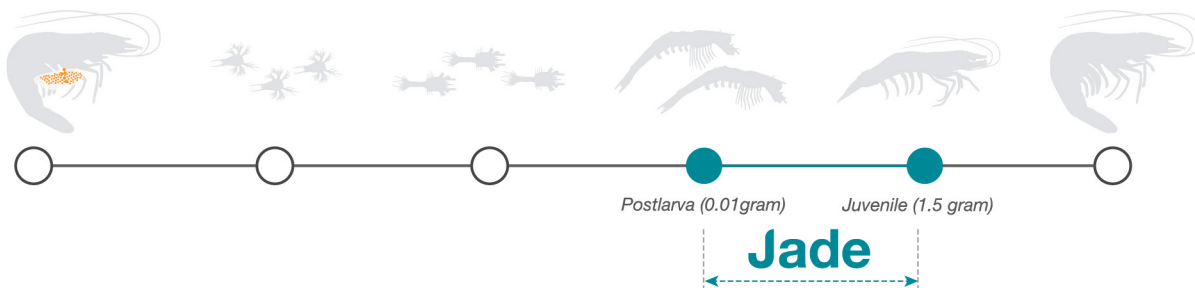


Biểu đồ 3 & 4: Thí nghiệm so sánh hiệu quả vượt trội của Thức ăn ương vào Jade và thức ăn ương vào khác ở cùng điều kiện nuôi với mật độ 2 PL/L.





GIẢI ĐOẠN SỬ DỤNG



BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Jade	Protein thô <i>Crude protein</i>	Béo thô <i>Crude fat</i>	Xơ thô <i>Crude fiber</i>	Độ ẩm <i>Moisture</i>
	% min.	% min.	% max.	% max.
Jade 0	46	6	3	11
Jade 1	46	6	3	11
Jade 2	46	6	3	11



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN JADE CHO 100,000 PL10 THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 1 - 2 CON/L



Ngày	Mã thức ăn	Trọng lượng tôm (g)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ cho ăn (%)
1	#0	0.004	0.07	18.89
2	#0	0.005	0.09	18.38
3	#0	0.009	0.15	17.45
4	#0	0.014	0.23	16.61
5	#0	0.021	0.33	15.88
6	#1	0.030	0.46	15.23
7	#1	0.041	0.61	14.67
8	#1	0.055	0.77	14.18
9	#1	0.070	0.96	13.73
10	#1	0.088	1.17	13.33
11	#1	0.108	1.40	12.97
12	#1	0.130	1.64	12.63
13	#1	0.155	1.90	12.32
14	#1	0.182	2.19	12.04
15	#1	0.211	2.49	11.77

*Lượng thức ăn sử dụng sẽ điều chỉnh theo mật độ nuôi, thời tiết và sức ăn của tôm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN JADE CHO 100,000 PL10 THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 1 - 2 CON/L

Ngày	Mã thức ăn	Trọng lượng tôm (g)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ cho ăn (%)
16	#2	0.244	2.81	11.51
17	#2	0.279	3.15	11.27
18	#2	0.317	3.51	11.04
19	#2	0.359	3.89	10.82
20	#2	0.404	4.28	10.61
21	#2	0.454	4.73	10.40
22	#2	0.512	5.22	10.19
23	#2	0.577	5.76	9.98
24	#2	0.650	6.35	9.77
25	#2	0.732	6.99	9.56
26	#2	0.821	7.68	9.35
27	#2	0.761	8.41	9.15
28	#2	0.920	9.20	8.95
29	#2	1.027	10.03	8.76
30	#2	1.145	10.92	8.57

*Lượng thức ăn sử dụng sẽ điều chỉnh theo mật độ nuôi, thời tiết và sức ăn của tôm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN JADE CHO 100,000 PL10 THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 3 - 5 CON/L



Ngày	Mã thức ăn	Trọng lượng tôm (g)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ cho ăn (%)
1	#0	0.004	0.07	16.50
2	#0	0.005	0.09	16.11
3	#0	0.009	0.14	15.41
4	#0	0.014	0.21	14.77
5	#0	0.021	0.31	14.22
6	#1	0.030	0.43	13.73
7	#1	0.041	0.57	13.30
8	#1	0.055	0.73	12.93
9	#1	0.070	0.91	12.59
10	#1	0.087	1.10	12.30
11	#1	0.106	1.31	12.03
12	#1	0.128	1.54	11.78
13	#1	0.151	1.79	11.55
14	#1	0.177	2.05	11.34
15	#1	0.205	2.33	11.14

*Lượng thức ăn sử dụng sẽ điều chỉnh theo mật độ nuôi, thời tiết và sức ăn của tôm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN JADE CHO 100,000 PL10 THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 3 - 5 CON/L

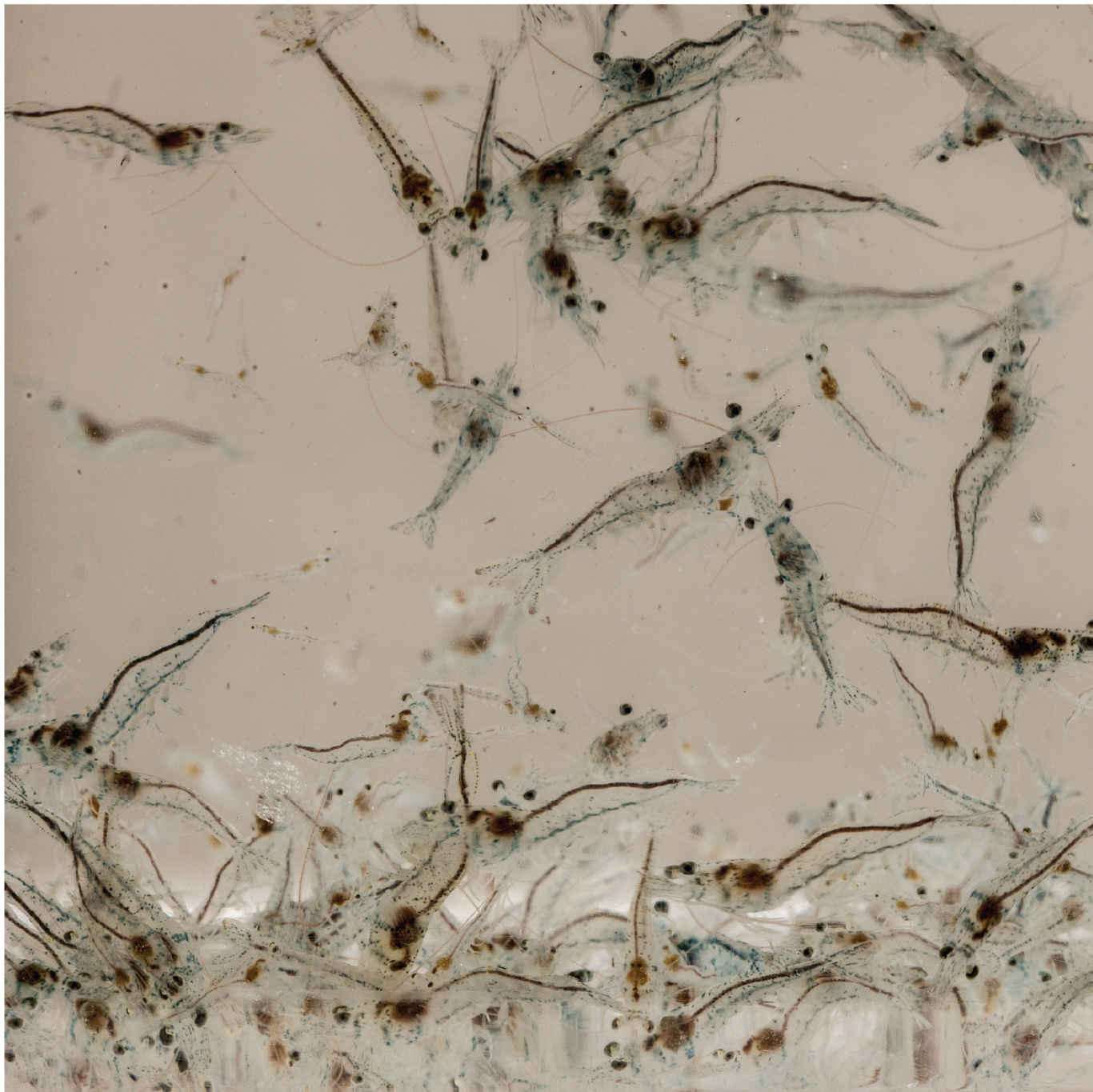


Ngày	Mã thức ăn	Trọng lượng tôm (g)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ cho ăn (%)
16	#2	0.235	2.62	10.96
17	#2	0.268	2.94	10.78
18	#2	0.304	3.28	10.61
19	#2	0.342	3.63	10.45
20	#2	0.383	4.00	10.29
21	#2	0.427	4.39	10.15
22	#2	0.474	4.80	10.01
23	#2	0.525	5.23	9.87
24	#2	0.578	5.68	9.74
25	#2	0.636	6.15	9.61
26	#2	0.697	6.65	9.49
27	#2	0.761	7.16	9.37
28	#2	0.830	7.70	9.25
29	#2	0.902	8.26	9.14
30	#2	0.979	8.85	9.03

*Lượng thức ăn sử dụng sẽ điều chỉnh theo mật độ nuôi, thời tiết và sức ăn của tôm.







Skretting là tập đoàn hàng đầu thế giới về cung cấp giải pháp dinh dưỡng sáng tạo và bền vững cho ngành nuôi trồng thủy sản, với trụ sở đặt tại Stavanger, Na-uy. Skretting có nhà máy tại 19 quốc gia ở khắp 5 châu lục, sản xuất và cung cấp thức ăn chất lượng cao cho hơn 60 loài từ con giống đến khi thu hoạch. Tổng sản lượng thức ăn hàng năm đạt hơn 2 triệu tấn.

Tại Việt Nam, Skretting chuyên sản xuất thức ăn thủy sản chất lượng cao với 2 nhà máy đặt tại tỉnh Long An. Bên cạnh đó, Skretting còn cung cấp thức ăn thủy sản cho toàn bộ khu vực Nam Á.

Skretting có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản bởi sự hiện diện toàn cầu, năng lực sáng tạo vượt trội, nền tảng kỹ thuật chuyên sâu cũng như khả năng ứng dụng những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và an toàn.

Việc kiểm soát nguồn nguyên liệu và chất lượng thức ăn luôn là ưu tiên hàng đầu của Skretting. Chúng tôi ý thức rằng điều làm nên sự khác biệt của Skretting chính là tính nhất quán trong việc mang lại những sản phẩm chất lượng cao nhờ vào việc tuân thủ nghiêm ngặt những tiêu chuẩn như ISO 9001, GlobalG.A.P, BAP, và Nutrace®. Trong đó, Nutrace® là tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc của Skretting được công nhận và tin tưởng bởi tất cả khách hàng ở các quốc gia mà Việt Nam xuất khẩu thủy sản.

Skretting cam kết thực thi trách nhiệm của mình trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu nuôi đến bàn ăn, đảm bảo sản phẩm thủy sản ngon miệng và an toàn cho người tiêu dùng trong và ngoài nước.



CÔNG TY TNHH NUTRECO INTERNATIONAL (VIỆT NAM)

Chi nhánh Thuận Đạo – Lô C1 – 2, Đường Số 1, Lô C13, Đường số 14,
KCN Thuận Đạo mở rộng, X. Long Định, H. Cần Đước, T. Long An

Điện thoại: (+84 272) 3630 313 | Fax: (+84 272) 3630 317

Email: contact@skretting.com | Website: www.skretting.vn

Facebook: www.facebook.com/skrettingvietnam



GLOBALG.A.P.
The Global Partnership for Good Agricultural Practice